

Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu hình Quốc huy. Biên chế và kinh phí hoạt động của Ban Quản lý thuộc biên chế và ngân sách nhà nước cấp cho tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng có Trưởng ban do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm; một số Phó Trưởng ban, một số Ủy viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng bổ nhiệm.

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng có bộ máy giúp việc theo quy định tại Điều 28 của Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 24 tháng 4 năm 1997 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 396/QĐ-TTg ngày 20/4/2004 về việc hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch cúm gia cầm và khôi phục phát triển sản xuất sau dịch.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích 245.316 triệu đồng (hai trăm bốn lăm nghìn ba trăm mười sáu triệu đồng) từ dự phòng ngân sách trung ương năm 2004 hỗ trợ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để phòng, chống dịch cúm gia cầm và khôi phục, phát triển sản xuất sau dịch (danh sách kèm theo) theo nguyên tắc:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ 50% số kinh phí phòng, chống dịch và khôi phục phát triển sản xuất sau dịch;

- Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh chủ động sử dụng dự phòng ngân sách địa phương;

- Đối với những tỉnh, thành phố có số lượng gia cầm tiêu hủy lớn, nếu phần

ngân sách địa phương bảo đảm vượt quá 50% dự phòng ngân sách cấp tỉnh, ngân sách trung ương sẽ bổ sung thêm phần chênh lệch vượt quá 50% dự phòng ngân sách cấp tỉnh đó để địa phương có nguồn thực hiện;

- Đối với những tỉnh mới điều chỉnh địa giới hành chính có số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương, được ngân sách trung ương hỗ trợ 100%.

Điều 2. Nội dung chi và mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân, trang trại, hợp tác xã, cơ sở chăn nuôi gia cầm của trung ương và địa phương bị thiệt hại như sau:

- Đối với gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) tiêu hủy với mức bình quân 5.000 đồng/con. Đối với các địa phương đã sử dụng nguồn ngân sách của địa phương để hỗ trợ cao hơn thì thực hiện theo mức của địa phương đã quyết định;

- Mua con giống lần đầu với mức bình quân 2.000 đồng/con để khôi phục, phát triển chăn nuôi gia cầm. Số lượng con giống được hỗ trợ tối đa không vượt quá số gia cầm đã tiêu hủy;

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể và bảo đảm hỗ trợ trực tiếp đến người chăn nuôi.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho công tác phòng, chống dịch trong thời gian có dịch và sau dịch theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác thú y, bao gồm:

chi phí tiêu hủy gia cầm; mua sắm thiết bị, vật dụng cho kiểm tra phát hiện, chẩn đoán bệnh dịch và phòng, chống dịch; hóa chất các loại cho khử trùng, tiêu độc vệ sinh chuồng trại, môi trường; trang phục phòng hộ cho người và bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên thú y, người tham gia công tác phòng, chống dịch hoặc phục vụ tại các chốt kiểm dịch.

Điều 3. Ngân sách nhà nước bảo đảm chi hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi gia cầm do Trung ương quản lý như sau:

1. Hỗ trợ 100% tiền thức ăn nuôi dưỡng đàn gia cầm giống gốc, giống giữ quỹ gen gia cầm quý hiếm do không tiêu thụ được sản phẩm trong thời gian 3 tháng, từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2004 (chỉ áp dụng cho đàn giống đang trong thời kỳ khai thác trứng giống và theo số lượng giống gốc, giống giữ quỹ gen gia cầm quý hiếm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ nuôi cho cơ sở chăn nuôi); hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch như quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này;

2. Nhập khẩu đàn gia cầm giống gốc để bảo đảm cơ cấu đàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm đáp ứng nhu cầu giống cho sản xuất;

3. Đối với đàn gia cầm thuộc chương trình giống, đề tài nghiên cứu khoa học do Nhà nước cấp vốn bị tiêu hủy được xem xét xử lý về tài chính theo chế độ quy định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xác định cụ thể kinh phí hỗ trợ theo các nội dung trên trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ ở các địa phương theo quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục theo dõi tình hình dịch bệnh, không để dịch tái phát; phối hợp với các địa phương đánh giá tình hình thiệt hại và tổng kết các biện pháp chỉ đạo phòng, chống dịch vừa qua để rút kinh nghiệm; tăng cường năng lực mạng lưới thú y cơ sở. Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch phục hồi chăn nuôi gia cầm; thời gian bắt buộc phải phun thuốc khử trùng, vệ sinh chuồng trại từ thời điểm hết dịch đến khi chăn nuôi trở lại; quy hoạch lại khu vực chăn nuôi, nhất là chăn nuôi tập trung để đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe cộng đồng.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo các ngân hàng thương mại rà soát lại mức nợ vay của các đối tượng chăn nuôi có đàn gia cầm bị thiệt hại do dịch cúm để tiến hành giãn nợ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tiếp tục được vay vốn phát triển sản xuất chăn nuôi gia cầm.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan có liên quan theo dõi tình hình dịch bệnh, không để dịch tái phát trên địa bàn; có các giải pháp để sớm ổn định và tiếp tục phát triển sản xuất chăn nuôi gia cầm; hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi bảo đảm công tác vệ sinh thú y; có kế hoạch chuyển dần các cơ sở chăn nuôi tập trung đến nơi quy hoạch xa khu dân cư, đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe cộng đồng;

- Đánh giá chính xác số lượng từng loại gia cầm tiêu hủy, mức thiệt hại của từng đối tượng chăn nuôi để có sự hỗ trợ phù hợp. Tổ chức thực hiện việc hỗ trợ thiệt hại và khôi phục, phát triển gia cầm, đảm bảo đúng mục đích và đúng đối tượng;

- Có giải pháp xử lý khó khăn giữa người chăn nuôi gia cầm bị thiệt hại do dịch cúm với các đại lý về khoản nợ tiền thức ăn, con giống nhưng chưa có khả năng thanh toán.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ KINH PHÍ CÁC ĐỊA PHƯƠNG
ĐỂ PHÒNG, CHỐNG DỊCH CÚM GIA CẦM VÀ KHÔI PHỤC
SẢN XUẤT SAU DỊCH**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 396/QĐ-TTg ngày 20/4/2004
của Thủ tướng Chính phủ).*

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Tỉnh, thành phố	Ngân sách trung ương hỗ trợ	Số thứ tự	Tỉnh, thành phố	Ngân sách trung ương hỗ trợ
	Tổng số	245.316	28	Quảng Nam	1.000
1	Quảng Ninh	116	29	Quảng Ngãi	304
2	Tuyên Quang	460	30	Bình Định	818
3	Lào Cai	316	31	Khánh Hòa	2.961
4	Yên Bái	752	32	Ninh Thuận	1.146
5	Thái Nguyên	688	33	Bình Thuận	259
6	Phú Thọ	632	34	Đắk Lắk	1.768
7	Bắc Giang	1.224	35	Gia Lai	800
8	Hòa Bình	317	36	Kon Tum	500
9	Sơn La	706	37	Lâm Đồng	5.020
10	Lai Châu	500	38	Đồng Nai	9.960
11	Điện Biên	2.543	39	Bình Dương	9.571
12	Hải Phòng	622	40	Tây Ninh	3.445
13	Vĩnh Phúc	6.438	41	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.362
14	Hải Dương	6.544	42	Bình Phước	857
15	Hưng Yên	918	43	Long An	57.850
16	Bắc Ninh	1.000	44	Tiền Giang	29.813
17	Hà Tây	8.784	45	Vĩnh Long	2.600
18	Hà Nam	1.331	46	Cần Thơ	3.586
19	Nam Định	4.065	47	Hậu Giang	1.062
20	Ninh Bình	732	48	Bến Tre	2.633
21	Thái Bình	7.018	49	Trà Vinh	486
22	Thanh Hóa	1.196	50	Sóc Trăng	3.526
23	Nghệ An	1.301	51	An Giang	31.002
24	Quảng Bình	125	52	Đồng Tháp	5.559
25	Quảng Trị	2.671	53	Kiên Giang	108
26	Thừa Thiên - Huế	3.693	54	Bạc Liêu	3.909
27	Đà Nẵng	1.400	55	Cà Mau	1.319